TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 30/8/2023
"V/v: Chia tài sản sau ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huờn.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Khánh và bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2023/TLPT-HNGĐ ngày 19/6/2023, về việc: "Chia tài sản sau ly hôn".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 12/2023/HNGĐ-ST, ngày 21/4/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐ-PT, ngày 03/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T – Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 32 đường O, tổ dân phố B, phường A, thị xã H,tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình Bảo - Có mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 03/7/2023).

Địa chỉ: Số 865A đường V, phường A, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T1 - Có mặt.

Địa chỉ: Số 32 đường O, tổ dân phố B, phường A, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị S.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chu Thanh N - Có mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2023).

Địa chỉ: Thôn Văn Minh, xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 24/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Thanh T1 từng là vợ chồng, đã được Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đắk Lắk giải quyết cho ly hôn vào ngày 08/02/2021; Bà là người nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Thúy H, sinh ngày 03/7/2004 và cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 06/10/2010; về tài sản chung của vợ chồng chưa được phân chia. Trong thời kỳ hôn nhân, tài sản chung của vợ chồng là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, đối với thửa đất số 523, tờ bản đồ số 02, diện tích 469m^2 tại phường A, thị xã H,, tỉnh Đắk Lắk; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 12/10/2010; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 04, diện tích 6.764m^2 tại phường H, thị xã H,, tỉnh Đắk Lắk; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 01/4/2010.

Sau khi ly hôn, bà và ông T1 không thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung của vợ chồng và việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia tài sản chung của bà và ông T1 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với 02 thửa đất nêu trên, cho mỗi người ½ trị giá tài sản chung; nguyện vọng của bà được nhận tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 523.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi cháu một tháng là 1.500.000đ; Ngày 01/3/2023, bà rút yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con chung.

** Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Thanh T1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân và ly hôn, về con chung giữa ông và bà Đỗ Thị T, đúng như bà T đã trình bày; Về tài chung của ông và bà T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là quyền sử dụng đất thửa đất và tài sản gắn liền với đất, đối với thửa số 523 tại phường A, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Thửa đất số 523 có nguồn gốc: Vào năm 2000, bố mẹ của ông nhờ người khác mua giúp 01 thửa đất của bà Vũ Thị H tại đường Phạm Văn Đ, phường L, thị xã H; Năm 2003, ông kết hôn với bà Đỗ Thị T và được bố, mẹ tặng cho thửa đất này làm nhà ở; Năm 2006, ông và bà T chuyển nhượng thửa đất tại đường Phạm Văn Đ, phường L, thị xã H cho người khác với giá 192.000.000đ và dùng khoản tiền này nhận chuyển nhượng thửa đất số 523 của vợ chồng ông Đỗ Kim H, bà Tô Thị Đ với giá 100.000.000đ; Số tiền còn lại, ông và bà T xây dựng nhà ở trên đất như hiện nay; Năm 2009, ông và bà T đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 12/10/2009. Vì vậy, ông đồng ý chia cho bà T thửa đất số 523 với diện tích có chiều ngang theo mặt đường 06m, chiều dài hết thửa đất cùng với căn nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, phần diện tích đất còn lại và tài sản gắn liền trên đất là của ông.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 04, diện tích 6.764m^2 tại phường H, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk là tài của bố, mẹ ông là ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị S, có nguồn gốc: Năm 1995, bố và mẹ của ông gửi tiền nhờ quen mua giúp diện tích đất 6.764m^2 tại phường H, thị xã H (nay là thửa đất số 07) và giao cho ông sử dụng; Sau khi ông kết hôn với bà

T, ông và bà T sử dụng thửa đất nêu trên; Năm 2010, ông và bà T tự ý đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 01/4/2010; Việc bà T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, ông không đồng ý, vì thửa đất số 07 và tài sản gắn liền trên đất là của bố, mẹ của ông.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị S trình bày: Ông, bà là bố, mẹ đẻ của ông Nguyễn Thanh T1; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 04, diện tích 6.764m^2 tại phường H, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk là tài sản của vợ chồng ông, bà có nguốc gốc như lời trình bày của ông T1; Vợ chồng ông, bà giao cho vợ chồng ông T1 sử dụng thửa đất số 07 để sản xuất nông nghiệp; Việc vợ chồng ông T1, bà T đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 07 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vợ chồng ông, bà không biết; Vợ chồng ông, bà yêu cầu vợ chồng ông T1 trả lại cho vợ chồng ông, bà thửa đất số 07.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 12/2023/HNGĐ-ST, ngày 21/4/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 163; Điều 164; Điều 165; Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 33; Điều 59; Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 219 Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T.

1. Bà Đỗ Thị T được chia tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, đối với thửa đất số 523, tờ bản đồ số 02, diện tích 469m^2 tại phường A, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 645484, do Ủy ban nhân dân thị xã H cấp cho ông Nguyễn Thanh T1 và bà Đỗ Thị T vào ngày 12/10/2010;

2. Ông Nguyễn Thanh T1 được chia tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 04, diện tích 6.764m^2 tại phường H, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 104148, do Ủy ban nhân dân thị xã H cấp cho ông Nguyễn Thanh T1 và bà Đỗ Thị T vào ngày 01/4/2010.

Ông T1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà T chênh lệch tài sản được chia là 121.960.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/4/2024, bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 có đơn kháng cáo với lý do: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, đối với thửa đất số 523, tờ bản đồ số 02, diện tích 469m^2 tại phường A, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc là tài sản riêng của ông, được bố, mẹ của ông tặng cho ông trước khi ông kết hôn với bà Đỗ Thị T. Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông và bà T, mỗi người 50% trị giá tài

sản là không công bằng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án và chia cho ông 70% trị giá tài sản.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 04, diện tích 6.764m^2 tại phường H, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk là của bố, mẹ ông, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về chia tài sản chung đối với thửa đất số 07 và tài sản gắn liền trên đất.

Ngày 24/4/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh B có đơn kháng cáo với lý do: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 04, diện tích 6.764m^2 tại phường H, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk là tài sản của vợ chồng ông; vợ chồng ông giao cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh T1 và bà Đỗ Thị T sử dụng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại, xác định tài sản này là của vợ chồng ông, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về chia tài sản chung đối với thửa đất số 07 và tài sản gắn liền trên đất.

Tại phiên tòa phúc, ông Nguyễn Thanh T1 và bà Đỗ Thị T thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung; Theo thỏa thuận: Bà T nhận tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, đối với thửa đất số 523, tờ bản đồ số 02, diện tích 469m^2 tại phường A, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; ông T1 nhận tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 04, diện tích 6.764m^2 tại phường H, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Các bên không phải thanh toán cho nhau phần chênh lệch trị giá tài sản được nhận; về án phí, ông T1 và bà T đề nghị Tòa án quyết định theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị S, đồng ý về việc ông T1 và bà T thỏa thuận chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, đối với thửa đất số 523, tờ bản đồ số 02 và thửa đất số 07, tờ bản đồ số 04.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Thanh T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh B, VKSND tỉnh Đắk Lắk xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Đỗ Thị T, bị đơn là ông Nguyễn Thanh T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị S thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung của ông

T1 và bà T là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, đối với thửa đất số 523, tờ bản đồ số 02, diện tích 469m^2 tại phường A, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 04, diện tích 6.764m^2 tại phường H, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Thanh T1; ông Nguyễn Thanh T1 và ông Nguyễn Thanh B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 33; khoản 1 Điều 59; Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 5 Điều 27, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T.

Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn là bà Đỗ Thị T, bị đơn là ông Nguyễn Thanh T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị S về việc chia tài sản chung của ông T1 và bà T trong thời kỳ hôn nhân là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 04, diện tích 6.764m^2 tại phường H, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, đối với thửa đất số số 523, tờ bản đồ số 02, diện tích 469m^2 tại phường A, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk:

[1.1] Giao cho bà Đỗ Thị T được quyền sở hữu quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, đối với thửa đất số số 523, tờ bản đồ số 02, diện tích 469m^2 tại phường A, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk, trị giá 1.650.000.000đ; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 645484, do Ủy ban nhân dân thị xã H cấp cho ông Nguyễn Thanh T1 và bà Đỗ Thị T vào ngày 12/10/2010.

[1.2] Giao cho ông Nguyễn Thanh T1 được quyền sở hữu quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 04, diện tích 6.764m^2 tại phường H, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk trị giá 1.893.920.000đ; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 104148, do Ủy ban nhân dân thị xã H cấp cho ông Nguyễn Thanh T1 và bà Đỗ Thị T vào ngày 01/4/2010.

[2] Bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Thanh Tuấn, không phải thanh toán cho nhau phần chênh lệch trị giá tài sản được nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Bà Đỗ Thị T phải chịu 61.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 6.250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 0002791 ngày 30/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H, bà T còn phải nộp 55.250.000đ *(Năm mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu 68.817.600đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm; 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông T1 đã nộp tại biên lai số: 0018560 ngày 09/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H, được khấu trừ vào tiền án phí dân sự phúc thẩm ông T1 phải chịu; ông T1 còn phải nộp 68.817.600đ *(Sáu mươi tám triệu tám trăm mười bảy nghìn sáu trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3.3] Ông Nguyễn Thanh B phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 0018559 ngày 09/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Huờn